



ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Kỷ niệm 300 năm Ngày sinh Danh nhân Lê Quý Đôn
(1726 - 2026)

I. TÓM TẮT TIỂU SỬ CỦA LÊ QUÝ ĐÔN

Lê Quý Đôn (tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương), tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh năm 1726, trong một gia đình khoa bảng tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam, nay là thôn Đồng Phú, xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên. Cha ông là Tiến sỹ Lê Trọng Thứ, cha vợ là Tiến sỹ Lê Hữu Kiều (ở làng Liêu Xá, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên), đều làm quan to triều nhà Lê.

Từ bé, Lê Quý Đôn đã nổi tiếng là người thông minh, có trí nhớ tuyệt vời, lại ham học hỏi, được gọi là "thần đồng". Năm 5 tuổi, ông đã có thể đọc nhiều bài thơ trong *Kinh Thi*. Năm 12 tuổi, ông đã thông thạo kinh điển Nho học. Năm 17 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hương. Năm 24 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hội. Năm 26 tuổi, đỗ đầu thi Đình.

Năm 1753, ông bắt đầu làm Thị thư tại Viện Hàn lâm (tương đương Thư ký, Viện lưu trữ quốc gia), phụ trách biên soạn và bảo quản các tài liệu quan trọng của triều đình.

Năm 1754, ông được bổ nhiệm làm Toàn tu tại Quốc sử quán (Biên tập quốc sử), đảm trách việc soạn thảo và chỉnh lý các bộ sử chính thống quốc gia. Đến năm 1760, ông được cử làm Phó sứ thứ nhất trong đoàn ngoại giao sang nhà Thanh (Trung Quốc), thực hiện nhiều nhiệm vụ ngoại giao và tiếp thu tri thức từ nước ngoài.

Trở về từ chuyến đi sứ, ông được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng khác, bao gồm Tư nghiệp Quốc Tử Giám (Phó Hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám), nơi ông khuyến khích cải cách giáo dục và chú trọng tinh thần thực học. Năm 1771, ông được thăng chức Tả Thị lang Bộ Lại (Thứ trưởng Bộ Nội vụ), góp phần cải cách quy trình tuyển dụng và giám sát quan lại, đồng thời đề xuất thay đổi nhiều chính sách. Năm 1775, ông giữ chức Tổng tài Quốc sử quán (Tổng chủ biên quốc sử), đóng vai trò chủ chốt trong việc ghi chép và biên soạn lịch sử quốc gia.

Lê Quý Đôn tiếp tục đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Bồi tụng (tương đương Phó Thủ tướng) vào năm 1773, và Thị lang Bộ Hộ (Thứ trưởng Bộ Tài chính) vào năm 1778, nơi ông đưa ra nhiều chính sách tài chính giúp giảm gánh nặng cho người dân.

Năm 1782, ông được thăng chức Thượng thư Bộ Công (Bộ trưởng Bộ Công Thương), nhưng sau đó lâm bệnh nặng và xin về quê an dưỡng. Ông qua đời năm 1784 trong sự tiếc thương của mọi người. Vua cho bãi triều ba ngày để tang ông.

Trong suốt sự nghiệp quan trường, ông vừa hoàn thành nhiệm vụ chính trị, vừa say mê nghiên cứu, tạo nên một dòng chảy tri thức lớn mạnh, song hành giữa lĩnh vực hành chính và học thuật.

Lê Quý Đôn có những đóng góp sâu sắc trong giáo dục, khoa học và văn hóa. Ông khuyến khích "thực học," kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, đề cao tự

học và sáng tạo. Các công trình như *Vân Đài Loại Ngữ*, *Phủ Biên Tạp Lục* và *Kiến Văn Tiểu Lục* không chỉ là bách khoa thư đồ sộ mà còn hệ thống hóa tri thức dân tộc, đặt nền tảng cho nhiều ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam.

Từ chuyến đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc) ông góp phần mở rộng giao lưu tri thức Đông-Tây, xây dựng cầu nối văn hóa giữa Đại Việt và các nước láng giềng. Di sản của ông phản ánh sự hòa nhập giữa nghiên cứu khoa học, giáo dục thực hành và tư tưởng nhân văn, góp phần hình thành hệ tri thức phong phú của Đại Việt. Di sản phong phú và tầm nhìn rộng mở của ông đã củng cố nền tảng học thuật và văn hóa, xứng đáng được vinh danh và lưu truyền.

Lê Quý Đôn là nhà bác học lớn thế kỷ XVIII của Việt Nam. Nhân dân Việt Nam khi nhắc đến Lê Quý Đôn thường sử dụng cụm từ đi liền “Nhà bác học Lê Quý Đôn” bày tỏ lòng tôn kính, ngưỡng mộ. Tác phẩm của ông có đủ loại, từ lịch sử, nghiên cứu văn hóa, văn học... như:

*** Tác phẩm về lịch sử, địa lý**

Đại Việt thông sử (Lê triều thông sử), 30 quyển, năm soạn: 1749-1753.

Phủ biên tạp lục, 6 quyển, năm soạn: 1776.

Bắc sứ thông lục, 4 quyển, năm soạn: 1763, viết lời tựa năm 1780.

Kiến văn tiểu lục, 12 quyển, năm soạn: 1777.

*** Tác phẩm khảo cứu, diễn nghĩa, chú giải, bàn giảng các kinh điển, cổ thư**
Âm chất văn chú, 2 quyển, năm soạn: 1781-1782.

Tứ thư wóc giải (Tứ thư giải thích), 5 quyển (khắc in năm 1839), năm soạn: Không rõ.

Quần thư khảo biện, 4 quyển, năm soạn: 1757-1761

Thánh mô hiền phạm lục, 12 quyển, năm soạn: 1759

Vân đài loại ngữ, 4 quyển, năm soạn: 1773

Thư kinh diễn nghĩa, 3 quyển, năm soạn: 1772

*** Tác phẩm sưu tập thi ca**

Toàn Việt thi lục, 20 quyển, năm soạn: 1768

Hoàng Việt văn hải, 10 quyển, năm soạn: không rõ

*** Tác phẩm thơ văn tự sáng tác**

Qué Đường thi tập, tổng tập thơ gồm 550 bài thơ chữ Hán.

Văn thơ viết bằng chữ Nôm: Lê Quý Đôn tiên phong sử dụng chữ Nôm trong văn bản hành chính, trở thành một trong những người viết ký bằng văn xuôi Nôm sớm nhất của Đại Việt qua bài *Khải* được lưu lại trong cuốn *Bắc sứ thông lục*.

Bài *Rắn đầu biếng học*, thể thơ “thất ngôn bát cú”.

Bài *Mẹ ơi con muốn lấy chồng*, thể văn “kinh nghĩa” dùng trong thi cử.

Bài *Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng*, thể văn “kinh nghĩa”.

Bài *Lấy chông cho đáng tằm chông*, thể “văn sách” dùng trong thi cử.

Sử gia Phan Huy Chú (1782–1840) trong *Lịch triều hiến chương loại chí* xếp Lê Quý Đôn vào danh sách 14 nhà Nho có đức nghiệp thời Lê Trung hưng. Các trước tác của Lê Quý Đôn không chỉ là những nguồn tư liệu quý giá về lịch sử, văn hóa và triết học,... mà còn thể hiện tầm nhìn khoa học uyên thâm, tạo nên một di sản trí tuệ vượt thời gian. Nhờ đó, các tác phẩm của ông tiếp tục là nguồn cảm hứng cho nghiên cứu, học tập và giáo dục, thể hiện tầm vóc của nền văn hiến Việt Nam và vị thế quan trọng của Lê Quý Đôn trong lịch sử tư tưởng và văn hóa dân tộc.

2. CÔNG LAO, CÔNG HIẾN CỦA DANH NHÂN LÊ QUÝ ĐÔN ĐỐI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

2.1. Lê Quý Đôn- Nhà nghiên cứu khoa học đa ngành xuất sắc, tiêu biểu trong lịch sử trung đại Việt Nam

Là một nhà khoa bảng, trải qua rất nhiều chức vụ trong triều đại nhà Lê, nhưng giá trị đích thực làm nên sự nghiệp của Lê Quý Đôn, trước hết bởi ông là nhà bác học lớn, ham đọc, ham biết và ham viết, là một nhà bác học có kiến thức hết sức uyên bác và đa dạng. Ông cũng để lại tấm gương sáng về tinh thần trách nhiệm, về phương pháp làm việc, tư duy khoa học và phong cách sống của người cầm bút chân chính cùng những kinh nghiệm thực tế hết sức phong phú trong học tập, nghiên cứu, sưu tập và trước tác. Với phương pháp nghiên cứu khoa học kết hợp chặt chẽ giữa ghi chép thực địa (thực lục) và phân tích, đối chiếu (khảo biện), ông đã ghi lại các quan sát tỉ mỉ về địa lý, tự nhiên và đời sống xã hội, từ đó so sánh và đánh giá các nguồn tư liệu khác nhau để đưa ra những kết luận khách quan, sâu sắc. Phương pháp này, thể hiện rõ qua tác phẩm như *Phủ biên tạp lục*, không chỉ cung cấp nền tảng tri thức mà còn thúc đẩy tư duy phân tích và phản biện trong khoa học.

Lê Quý Đôn cũng là người đầu tiên trong lịch sử phong kiến nước nhà hệ thống hóa tri thức bách khoa. Tác phẩm *Vân đài loại ngữ*, một bách khoa thư bao quát các lĩnh vực từ thiên văn học, địa lý, y học đến văn hóa và triết học. Tác phẩm này không chỉ hệ thống hóa tri thức cổ mà còn cập nhật các kiến thức mới, đưa ra góc nhìn toàn diện thông qua việc đối chiếu và so sánh các khái niệm khoa học, khẳng định vai trò của ông trong việc phát triển nền học thuật quốc gia.

Lê Quý Đôn cũng là người tiếp thu và ứng dụng tiên bộ khoa học vào điều kiện Việt Nam. Trong chuyến đi sứ, Lê Quý Đôn tích cực tiếp thu các tiên bộ khoa học từ phương Tây như lý thuyết Trái Đất hình cầu, kỹ thuật đo kinh, vĩ độ và công cụ đo đạc tiên tiến như kính thiên văn. Ông đã góp phần mở rộng hiểu biết địa lý và thiên văn học cho Việt Nam, kết nối người Việt với các khái niệm khoa học hiện đại.

2.2. Lê Quý Đôn- Nhà giáo dục lỗi lạc trong lịch sử dân tộc

Lê Quý Đôn đóng vai trò tiên phong, nổi bật với tư tưởng thực học và cải cách thi cử, tạo nên ảnh hưởng sâu rộng cho các thế hệ sau. Ông khuyến khích sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời thúc đẩy tinh thần tự học và sáng

tạo. Các tác phẩm như *Vân đài loại ngữ* và *Kiến văn tiểu lục* không chỉ là những tư liệu quý mà còn chứa đựng triết lý giáo dục sâu sắc, thúc đẩy tư duy độc lập và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của người học. Những tư tưởng này vẫn giữ nguyên giá trị trong giáo dục hiện đại, đề cao việc học đi đôi với hành và tinh thần đổi mới để thích ứng với yêu cầu của thời đại:

Thúc đẩy thực học và cải cách giáo dục. Ông phê phán lối học “tâm chương trích cú”, nhồi nhét kinh điển, nhấn mạnh sự cần thiết của việc kết hợp lý thuyết và thực hành: “đọc sách một thước không bằng làm được một tấc, đọc sách không cần đọc nhiều, đọc được một chữ đem áp dụng một chữ, thế là được” (*Ám chất văn chú*). Ông đề xuất thay đổi “Giáo khoa phải dạy cả lục nghệ, trong đó cả văn tự và vũ bị”. Tư tưởng này đặt nền móng cho nền giáo dục trọng thực học, giúp phát triển tư duy phản biện.

Xây dựng tài liệu giáo dục đa dạng: Lê Quý Đôn biên soạn nhiều tác phẩm có giá trị học thuật cao, cung cấp tư liệu quan trọng về địa lý, lịch sử, văn hóa và kinh tế. “Người học phải nắm vững căn bản trước khi mở rộng đến những điều sâu xa hơn” (*Kiến văn tiểu lục*), thể hiện tư tưởng “học đi đôi với hành”.

Cải tiến hệ thống thi cử: Lê Quý Đôn đã cải tiến phương thức thi cử khi giữ chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám, chú trọng kiểm tra khả năng hiểu biết và vận dụng thực tiễn của thí sinh. Trong *Toàn Việt thi lục*, ông ghi lại chi tiết cách đánh giá thí sinh, góp phần tạo ra một thể hệ có tư duy sắc bén và đáp ứng nhu cầu của quốc gia.

Đào tạo nhân tài: Ông đã đào tạo được nhiều học trò xuất sắc, trong đó có danh sĩ nổi tiếng Bùi Huy Bích. Ông luôn khuyến khích tự học, nhấn mạnh: “Học vẫn là hành trình không ngừng nghỉ, phải biết nhìn xa trông rộng” (*Kiến văn tiểu lục*). Sự tận tâm của ông giúp học trò nắm vững tri thức và trở thành những nhân vật có ảnh hưởng lớn trong xã hội.

Khuyến khích tinh thần học tập suốt đời: Lê Quý Đôn thể hiện tinh thần học hỏi không ngừng trong suốt cuộc đời, luôn có ý thức mở rộng tầm nhìn và tiếp thu tri thức từ nhiều nguồn khác nhau, cả ở trong nước và nước ngoài. “Tri thức không chỉ có trong sách vở mà còn trong cuộc sống và trải nghiệm thực tế” (*Bắc sử thông lục*). Tinh thần này tạo nên phong cách học tập độc lập, sáng tạo và chủ động cho người học.

2.3. Lê Quý Đôn- Nhà văn hóa mẫu mực, điển hình

Lê Quý Đôn đã có những đóng góp nổi bật trong việc củng cố và phát triển bản sắc văn hóa Việt Nam thế kỷ XVIII. Ông không chỉ lưu giữ và phát huy di sản văn học, mà còn hệ thống hóa tri thức văn hóa, nghiên cứu phong tục tập quán và thúc đẩy giao lưu văn hóa, giúp bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống Việt Nam.

Hệ thống hóa tri thức văn hóa: Trong tác phẩm *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn không chỉ ghi chép tri thức cổ mà còn so sánh, đối chiếu với các kiến thức mới từ Trung Quốc và phương Tây, tạo ra nguồn tài liệu mang tính khoa học cao, là một cơ sở cho nhiều nghiên cứu về văn hóa Việt Nam hiện nay.

Lưu giữ và phát triển di sản văn học: Tác phẩm *Toàn Việt thi lục* là bộ sưu tập thơ văn từ các triều đại trước, là nguồn tư liệu quý cho nghiên cứu văn học và giúp làm phong phú thêm kho tàng văn hóa Việt Nam.

Nghiên cứu phong tục, tập quán và tri thức dân gian: Tác phẩm *Phủ biên tạp lục* đã ghi chép chi tiết đời sống văn hóa và phong tục của cộng đồng cư dân tại Thuận Hóa, Quảng Nam, vào tận Hà Tiên và các vùng đảo, qua đó thể hiện rõ sự đa dạng văn hóa vùng miền. Cùng với *Kiến văn tiểu lục*, nhiều tri thức dân gian quý giá về sản xuất, y học và kinh nghiệm dân gian, phục vụ đời sống thực tiễn của người Việt đã được gìn giữ.

Giao lưu và tiếp biến văn hóa: Qua *Bắc sứ thông lục*, Lê Quý Đôn ghi lại và so sánh các phong tục, lễ nghi của người Trung Hoa với Đại Việt, thể hiện tinh thần cởi mở và chủ động tiếp thu văn hóa khu vực. Những ghi chép này khẳng định sự hòa hợp giữa tiếp thu sáng tạo và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Tư tưởng nhân văn và triết lý sống: Thông qua *Quế Đường thi tập*, ông truyền tải tư tưởng nhân văn, lòng yêu nước, và triết lý sống "lấy đức làm gốc, lấy lòng nhân làm đầu". Những tư tưởng này góp phần định hình giá trị đạo đức xã hội và truyền cảm hứng cho các thế hệ về lòng yêu nước và trách nhiệm với xã hội.

Bên cạnh đó, Lê Quý Đôn còn là nhà ngoại giao, nhà truyền bá văn hóa, góp phần nâng cao vị thế Đại Việt trên trường quốc tế. Trong chuyến đi sứ tới Trung Quốc, Lê Quý Đôn không chỉ thực hiện nhiệm vụ ngoại giao thành công mà còn thiết lập các kết nối, trao đổi học thuật sâu rộng với các học giả Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản, như Chu Bội Liên, Tần Triều Vu, và Hồng Khải Hi. Những trao đổi về kinh điển Nho học, triết học và các nghiên cứu lịch sử, thể hiện năng lực của ông trong việc truyền bá tri thức Đại Việt cũng như tiếp thu những thành tựu tri thức khu vực. Đồng thời, ông tiếp thu các kiến thức khoa học phương Tây từ tài liệu và sách vở của các giáo sĩ Thiên Chúa giáo phổ biến tại Trung Quốc, như Matteo Ricci và Ferdinand Verbiest. Những hiểu biết về thiên văn và đo lường như kỹ thuật sử dụng đồng hồ, quả địa cầu và cách xem bóng mặt trời đã được ông truyền bá rộng rãi ở Đại Việt, góp phần đánh dấu sự hội nhập của Đại Việt với những thành tựu khoa học đương thời.

“Tài văn chương ứng đáp của ông làm cho sĩ phu Trung Hoa và sứ thần Triều Tiên phải tôn trọng”¹. Đồng thời, cũng trong chuyến đi sứ của ông, Thống đốc tỉnh Quảng Tây, Diệp Tôn Nhân, đã đồng thuận với các yêu cầu từ đoàn sứ Việt Nam, giúp củng cố hình ảnh Đại Việt là một quốc gia có văn hóa và trí tuệ đáng tôn trọng.

III. SỰ GHI NHẬN VÀ VINH DANH ĐỐI VỚI NHÀ BÁC HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

Học thuật, tư tưởng, di sản văn hóa của Lê Quý Đôn không chỉ ảnh hưởng sâu rộng đến tri thức kinh viện và dân gian Việt Nam trung đại mà còn tiếp tục có giá

¹ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*

trị trong bối cảnh đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Lê Quý Đôn không chỉ là một nhà khoa học, nhà giáo dục với tinh thần học tập suốt đời và giáo dục thực tiễn, đề cao việc học đi đôi với hành, khuyến khích tinh thần tự học và sáng tạo mà còn là một nhà văn hóa mang tầm vóc khu vực và quốc tế với các tư tưởng và thực hành về văn hóa và hợp tác học thuật quốc tế, kết nối tri thức và hiểu biết văn hóa giữa các quốc gia.

Để tưởng nhớ công ơn và những đóng góp của Lê Quý Đôn, Nhân dân đã xây dựng các nhà thờ, Khu tưởng niệm Lê Quý Đôn tại quê nhà, xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên. Đây là quần thể di tích lưu giữ những tư liệu, hiện vật quý liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của Lê Quý Đôn, bao gồm: Từ đường danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn, lăng mộ cụ Lê Trọng Thứ (thân phụ của Lê Quý Đôn) và hồ Lê Quý. Di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia và đầu tư tôn tạo; nhiều con đường, trường học trên cả nước được đặt tên nhà bác học Lê Quý Đôn.

Đặc biệt để ghi nhận, tôn vinh những công lao, đóng góp, cống hiến của Lê Quý Đôn cho nền văn hóa Việt Nam và thế giới, tại phiên họp Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) lần thứ 43 diễn ra vào ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại Samarkand, Cộng hòa Uzbekistan, đã thông qua Nghị quyết vinh danh và cùng tham gia kỷ niệm 300 năm ngày sinh danh nhân văn hoá Lê Quý Đôn.

Sự kiện UNESCO công nhận Lê Quý Đôn là Danh nhân văn hóa thế giới thể hiện sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với những đóng góp to lớn và giá trị học thuật, văn hóa mà nhà bác học Lê Quý Đôn đã để lại cho nhân loại, cũng như những lý tưởng về hòa bình và học tập suốt đời mà Việt Nam chia sẻ với thế giới.

* *
*

Kỷ niệm 300 năm Ngày sinh Lê Quý Đôn là dịp để các thế hệ hôm nay tưởng nhớ, tri ân đối với một nhà bác học lỗi lạc trong lịch sử dân tộc với kiến thức uyên thâm, với tinh thần trách nhiệm cao trong thi hành công vụ, học thuật, tinh thần học tập và truyền truyền dạy kiến thức, sự giao lưu văn hóa quốc tế. Ông xứng đáng là nhà bác học toàn năng trong lịch sử nước nhà, là tấm gương sáng ngời về hành động, nói đi đôi với làm, năng lực suy tư, sáng tạo và trước tác bậc thầy cho muôn đời noi theo.

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY HƯNG YÊN